

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **04/2024/HSST**

Ngày: 04 - 01- 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đính

Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Hồng Huế – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Chiếu– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại Toà án nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 142/2023/HSST ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2023/QĐXX-HS ngày 20 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

DANH T, sinh ngày 01/01/1991 tại tỉnh KG; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Đen; Nơi đăng ký HKTT: Ấp VM, xã VT, huyện GQ, tỉnh KG; Chỗ ở hiện nay: Không có nơi ở cố định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Dân tộc: Khơ me; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh N2, sinh năm 1970 và bà Thị Cà M, sinh năm 1968; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 30/11/2012, Toà án nhân dân huyện GQ, tỉnh KG xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 53/2012/HSST. Ngày 25/01/2013, đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Đã được xoá án tích.

- Ngày 28/7/2017, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BD khởi tố bị can về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và ra Quyết định truy nã đối với bị cáo.

Ngày 12/9/2023, bị cáo bị Cơ quan CSĐT Công an thị xã CT bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp. Ngày 20/9/2023, bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay.

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Thạch Phan N, sinh năm 1998; địa chỉ cư trú: Khu phố 4, phường MT, thị xã CT, tỉnh BP. (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: 1283A tỉnh lộ 8, tổ 8, ấp HT, xã TA, huyện CC, TP.HCM. (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Danh T là bị can bị truy nã theo Quyết định truy nã số 06 ngày 28/7/2017 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh BD về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 202 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Khoảng tháng 5 năm 2023, Danh T (tên thường gọi Đen) có quan hệ tình cảm và sống chung như vợ chồng với chị Lý Thị T, sinh năm 1985, nơi thường trú: huyện TĐ, tỉnh ST tại phòng trọ không số, thuộc dãy nhà trọ Miền Đông, địa chỉ: Khu phố 4, phường MT, thị xã CT, tỉnh BP. Tại đây, quen biết anh Thạch Phan N, sinh năm 1998, HKTT: Ấp Lô Lừa A, xã NT, huyện CN, tỉnh TV, nơi cư trú: Khu phố 4, phường MT, thị xã CT, tỉnh BP sinh sống cùng dãy nhà trọ.

Ngày 25/6/2023, người thanh niên tên T2 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) gọi điện cho để đòi nợ số tiền 3.800.000 đồng (Ba triệu tám trăm ngàn đồng) mà nợ trước đó. Do không có tiền trả nợ nên nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 84E-644.36 của anh N mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Khoảng 19 giờ cùng ngày, đến gặp anh N rồi nói dối “Cho tao mượn xe đi rước vợ tao một lúc sẽ về trả” (tức mượn xe đi chở chị T). Anh N tin tưởng và đồng ý cho mượn xe và nói “Đi sớm về trả sớm để tôi còn đi làm nữa”, thì trả lời “Ừ”. Sau khi nhận được xe mô tô biển số 84E-644.36, điều khiển xe đến huyện CC, TP.HCM để tìm nơi cầm cố xe. Trên đường đi, trong lúc đổ xăng vào xe mô tô biển số 84E1-644.36 thì thấy trong cốp xe mô tô có Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 84E1-644.36 (bản phô tô); Giấy chứng minh nhân dân của anh Thạch Phan N (bản phô tô); giấy thoả thuận mua bán xe mô tô (bản gốc) và Giấy hẹn lấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô nên đến cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ “Đ”, địa chỉ: Ấp HT, xã TA, huyện CC, TP.HCM, do bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1984, nơi thường trú: Ấp HT, xã TA, huyện CC, TP.HCM làm chủ để cầm cố xe mô tô biển số 84E-644.36 với số tiền 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ chỉ nhận cầm cố với giá 4.000.000 đồng và đồng ý. Nhận được tiền đón xe khách đến chợ Dầu mới TĐ thuộc thành phố TĐ, TP.HCM gặp và trả nợ cho T2. Sau đó, bắt xe khách về thành phố BR – VT để xin việc làm và trốn tránh anh N.

Ngày 07/9/2023, do không kiểm được việc làm nên đón xe khách về lại phường MT, thị xã CT để thăm chị T và tìm việc làm thì bị anh N phát hiện. Ngày 11/9/2023, anh N đến Công an phường MT để trình báo sự việc.

Quá trình Công an phường MT làm việc, khai tên là Nguyễn Văn V, sinh ngày 15/10/1988, Nơi thường trú: huyện TB, tỉnh KG (nơi ở hiện tại: Ấp Suối Ngang, xã NB, thị xã CT, tỉnh BP) và nhiều tên khác nhau như: Lâm Hoài K, sinh ngày 15/10/1988; Vũ Quang Bửu, sinh năm 1988 và Đoàn Văn S, sinh ngày 15/10/2001, HKTT: Ấp 21, TT, TT2, ST.

Bản kết luận định giá tài sản số 81/KLĐG-HĐĐGTS ngày 19/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã CT, kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 84E1-644.36, số khung: RLCUE3710NY396472, số máy: E32VE692584, tình trạng đã qua sử dụng tại thời điểm xảy ra vụ án là 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng).

* Về tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 84E1-644.36, số khung: RLCUE3710NY396472, số máy: E32VE692584. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Thạch Phan N. Cơ quan CSĐT Công an thị xã CT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho anh Thạch Phan N.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo Danh T có được do cầm cố xe. Theo lời khai của bị cáo thì số tiền đó để trả nợ cho người tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được.

* Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Thạch Phan N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác. Do vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bà Đặng Thị Đ không yêu cầu bị cáo Danh T trả lại số tiền 4.000.000 đồng là số tiền mà bà Đ sử dụng để cầm cố xe mô tô biển số 84E1-644.36 cho bị cáo Danh T. Do vậy, trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Bản cáo trạng số 145/CT-VKSCT ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành truy tố đối với bị cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành: Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Danh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38; 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Đ vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với vật chứng thu được của vụ án, phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền trả nợ cá nhân nên ngày 25/6/2023 bị cáo Danh T đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 84E1-644.36, trị giá 15.000.000 đồng của anh Thạch Phan N để cầm cố cho bà Đặng Thị Đ với số tiền 4.000.000 đồng.

Đối chiếu với quy định tại Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chơn Thành truy tố đối với bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, khi phạm tội bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

[3.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[3.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu, đã bị kết án tù về tội Trộm cắp tài sản, sau khi chấp hành xong bản án không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của đại diện VKS để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Thạch Phan N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác; bà Đặng Thị Đ không yêu cầu bị cáo trả lại 4.000.000 đồng nên trách nhiệm dân sự không đặt ra.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ - đen, biển số 84E1-644.36, số khung: RLCUE3710NY396472, số máy: E32VE692584. Quá trình điều tra xác định, đây là tài sản hợp pháp của anh Thạch Phan N. Cơ quan CSĐT Công an thị xã CT đã ra Quyết định xử lý đồ vật, tài liệu trả lại cho anh Thạch Phan N là đúng quy định.

- Đối với số tiền 4.000.000 đồng bị cáo Danh T có được do cầm cố xe. Theo lời khai của bị cáo thì số tiền đó để trả nợ cho người tên T2 (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thu hồi được, do vậy không có cơ sở để xem xét.

[6] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với bà Đặng Thị Đ: Khi nhận cầm cố xe mô tô biển số 84E1-644.36 cho bị cáo Danh T thì bị cáo nói xe này là xe của Thạch Phan N. Thấy có Giấy thỏa thuận mua bán của anh Thạch Phan N và Giấy chứng minh nhân dân của anh Thạch Phan N (bản phô tô) nên bà Đ tin tưởng và nhận cầm cố xe cho Danh T. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét, xử lý bà Đ về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định.

Đối với đối tượng T2 theo lời khai của bị cáo Danh T: Cơ quan CSĐT không xác định được nhân thân, lai lịch của T2 nên không có cơ sở để xem xét xử lý.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; các điều 38; 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Danh T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/9/2023.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP
- VKSND tỉnh BP
- VKSND thị xã CT;
- CCTHADS thị xã CT;
- CA thị xã CT;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Thư